

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 224 /BC-NHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có Công văn số 4100/NHNN-PC ngày 20/6/2022 gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự án Luật Phòng, chống rửa tiền (PCRT) (sửa đổi).

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định đối với dự án Luật. Ngày 12 tháng 7 năm 2022, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 115/BCTĐ-BTP về dự án Luật PCRT (sửa đổi).

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xin báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Hội đồng thẩm định Bộ Tư pháp cơ bản thống nhất với hồ sơ dự án Luật PCRT (sửa đổi) của NHNN về sự cần thiết ban hành; về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, rửa tiền, tài trợ khủng bố theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với

công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; tính tương thích với điều ước quốc tế, cam kết quốc tế có liên quan.

Nội dung dự thảo Luật đã bám sát mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề xuất xây dựng Luật đã được thông qua.

II. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG CỦA BỘ TƯ PHÁP

Về ý kiến thẩm định dự án Luật PCRT (sửa đổi) của Bộ Tư pháp, NHNN xin báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

a) Ý kiến thẩm định:

Bộ Tư pháp nhất trí với sự cần thiết ban hành dự án Luật PCRT (sửa đổi) nhằm khắc phục những hạn chế nội tại trong quy định của pháp luật, đáp ứng tình hình thực tiễn, đồng thời nhằm đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu và chuẩn mực quốc tế, qua đó, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác PCRT trong thời gian tới.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình:

NHNN thống nhất với ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng luật đã được thông qua

2.1. Khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 1 Điều 15 dự thảo quy định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị là người giữ chức vụ cấp cao trong các cơ quan, tổ chức hữu quan của nước ngoài và tổ chức quốc tế. Theo như quy định này thì khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị chỉ là khách hàng là người nước ngoài. Tuy nhiên, ở giai đoạn đề nghị xây dựng luật tại chính sách 3, cơ quan chủ trì soạn thảo đã đề xuất cần quy định và nhận diện cả những cá nhân khách hàng người Việt Nam là cá nhân có ảnh hưởng chính trị, không phân biệt giữa người Việt Nam và nước ngoài. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc mở rộng phạm vi của điều luật này để đảm bảo phù hợp với đề nghị chính sách trong giai đoạn đề nghị xây dựng Luật.

Bên cạnh đó, việc quy định cá nhân là người nước ngoài hay người Việt Nam có ảnh hưởng chính trị thì dự thảo Luật cần xác định rõ tiêu chí để nhận diện những đối tượng khách hàng này. Đồng thời cần bổ sung vào dự thảo hồ sơ kết quả

ngiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia có quy định về vấn đề này để cơ quan có thẩm quyền có căn cứ xem xét, quyết định.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Theo khuyến nghị số 12 của FATF và đánh giá của APG tại báo cáo đánh giá đa phương, trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật, NHNN có đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định đối với các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước, không phân biệt cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước và nước ngoài, nhằm nâng mức độ tuân thủ khuyến nghị này.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật, NHNN nhận thấy việc xử lý quy định về cá nhân có ảnh hưởng chính trị (PEPs) trong nước là một vấn đề khó, có ảnh hưởng, tác động lớn tới nhiều đối tượng. Đây cũng không phải là khuyến nghị cốt lõi của FATF. Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế, một số quốc gia, bao gồm cả quốc gia phát triển cũng chưa có quy định về cá nhân có ảnh hưởng chính trị (PEPs) trong nước (ví dụ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc...) tại pháp luật về PCRT.

Đồng thời, như ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đối với các quốc gia có quy định về PEPs trong nước thường có quy định cụ thể về tiêu chí xác định PEPs trong nước để đảm bảo tính khả thi. Hiện nay, về hệ thống chức danh, chức vụ lãnh đạo trong hệ thống chính trị của Việt Nam: *“do chưa có quy định tổng thể, đồng bộ về chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương trong hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều thứ bậc nên việc vận dụng chức vụ tương đương trong sắp xếp, bố trí cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ còn nhiều bất cập...”*¹. Bộ Chính trị đã ban hành Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở (kèm theo Kết luận 35-KL/TW ngày 05/5/2022), trong đó, có giao nhiệm vụ cho các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan rà soát, sắp xếp các chức danh, chức vụ và xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách về vị trí công tác... đồng bộ với Bảng danh mục chức danh, chức vụ và tương đương trong hệ thống do Bộ Chính trị ban hành. Do đó, chỉ khi các cơ quan liên quan hoàn thành các nhiệm vụ được giao nêu trên thì mới có cơ sở để đề xuất xây dựng các tiêu chí về PEPs được thống nhất, toàn diện hơn.

¹ Theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở

Hiện nay, NHNN đang thực hiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền về nội dung này trước khi xử lý cụ thể tại Luật.

2.2. Về thay đổi phạm vi loại hình đối tượng báo cáo trong công tác PCRT

a) Ý kiến thẩm định: Bộ Tư pháp nhận thấy, đối với phạm vi loại hình đối tượng báo cáo trong công tác phòng, chống rửa tiền, cơ quan chủ trì soạn thảo đã mở rộng và thu hẹp hơn so với phạm vi sửa đổi, đề xuất đã được nêu tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật. Tại giai đoạn đề nghị xây dựng luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã xác định bổ sung một số loại hình tổ chức kinh doanh mới phát sinh như *tổ chức kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tổ chức cho kinh doanh dịch vụ cho vay ngang hàng*. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa quy phạm hóa những nội dung này tại dự thảo Luật. Bên cạnh đó, cơ quan chủ trì soạn thảo quy định bổ sung trong dự thảo Luật một số loại hình tổ chức kinh doanh không được đề cập tại giai đoạn đề nghị xây dựng luật như *tổ chức cung cấp dịch vụ ủy thác; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký cho doanh nghiệp cho bên thứ ba*. Đồng thời, tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo không đề xuất việc thu hẹp đối tượng báo cáo, tuy nhiên, dự thảo Luật đã loại bỏ *tổ chức cung ứng dịch vụ hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ* là một trong những đối tượng báo cáo. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung giải trình đối với những nội dung thay đổi so với giai đoạn đề nghị xây dựng luật.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Trong quá trình đề xuất chính sách xây dựng Luật, NHNN đã thực hiện rà soát phạm vi hoạt động của đối tượng báo cáo quy định tại Luật PCRT năm 2012 để đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về PCRT (FATF). Cụ thể:

- Về hoạt động cung cấp dịch vụ ủy thác; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký cho doanh nghiệp cho bên thứ ba: Đây là các hoạt động đã được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 4 Luật PCRT năm 2012². Tuy nhiên, sau khi rà soát NHNN nhận thấy việc sử dụng các tên gọi chưa phù hợp với nội hàm khái niệm tương ứng đối với các hoạt động này theo

² Điểm đ khoản 4 Điều 4 quy định: “Dịch vụ ủy thác đầu tư, dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp, dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba”

khuyến nghị của FATF, do đó, dự thảo Luật sửa đổi các tên gọi cho phù hợp. Do vậy các hoạt động này không phải là đối tượng mới được bổ sung³.

- Về hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ: Qua rà soát khuyến nghị của FATF, đánh giá của Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về rửa tiền (APG), trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 6330/BTC-TCNH ngày 01/7/2022 thì đối tượng báo cáo về PCRT trong lĩnh vực bảo hiểm là các doanh nghiệp cung ứng bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm liên quan đến đầu tư. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Kinh doanh bảo hiểm (đã được sửa đổi, bổ sung) có quy định về nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ bao gồm: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp; Bảo hiểm trả tiền định kỳ; Bảo hiểm liên kết đầu tư; Bảo hiểm hưu trí. Theo đó, dịch vụ hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ là một phần trong hoạt động của bảo hiểm nhân thọ. Do vậy, việc sửa đổi quy định tại điều khoản này không phải là thu hẹp loại hình hoạt động đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ của đối tượng báo cáo mà chỉ là sửa đổi để đảm bảo thống nhất với quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

- Về tổ chức kinh doanh dịch vụ cho vay ngang hàng: Tại điểm c khoản 3 Điều 4 Dự thảo Luật đã bổ sung hoạt động “*Cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ*”, là khái niệm để chỉ nội hàm hoạt động cho vay ngang hàng (hiện đang dự kiến được quy định tại dự thảo Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng). Như vậy, dự thảo Luật đã bổ sung đối tượng báo cáo là tổ chức cung ứng dịch vụ cho vay ngang hàng như đề xuất tại Chính sách 1.

- Về hoạt động cầm đồ: tại giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật PCRT (sửa đổi), trong quá trình trao đổi, làm việc và trên cơ sở ý kiến của Bộ Công an tại Báo cáo số 143/BC-BCA-B01 ngày 29/01/2022, NHNN đề xuất mở rộng đối tượng báo

³ Về hoạt động “cung cấp dịch vụ ủy thác” được sửa thành “dịch vụ thỏa thuận pháp lý” để phù hợp với nội hàm khái niệm tại Công ước HUGUE và nội dung khuyến nghị số 25 của FATF; về “dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba” được sửa thành “dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký của doanh nghiệp cho bên thứ ba” để phù hợp hơn với nội hàm thuật ngữ theo khuyến nghị của FATF. Trên thực tế, các loại hình tổ chức cung ứng dịch vụ này ở Việt Nam thường ở các công ty, tổ chức cung cấp các dịch vụ nhân sự thuê ngoài (cung ứng dịch vụ thư ký bao gồm cả thư ký giám đốc, thư ký doanh nghiệp).

cáo đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại Chính sách 1.

Trong quá trình xây dựng Luật, NHNN nhận thấy khuyến nghị của FATF và đánh giá của APG không đề cập trực tiếp tổ chức kinh doanh dịch vụ cầm đồ phải là đối tượng báo cáo, nhưng có đề cập các quốc gia có thể căn cứ vào điều kiện thực tiễn để quy định đối tượng báo cáo cho phù hợp.

Hiện nay, theo quy định tại Luật Đầu tư 2020, kinh doanh dịch vụ cầm đồ là hoạt động kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, không có văn bản pháp lý chuyên ngành quy định trực tiếp về điều kiện kinh doanh của dịch vụ cầm đồ mà chỉ có quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, trong đó có kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ. Tại Nghị định này, chỉ quy định trách nhiệm của Bộ Công an trong việc bảo đảm an ninh trật tự đối với hoạt động kinh doanh cầm đồ, chưa phân công cụ thể cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh này. Việc quy định tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ cầm đồ là đối tượng báo cáo tại Luật PCRT (sửa đổi) dẫn đến các tổ chức, cá nhân này phải thực hiện các yêu cầu, trách nhiệm của đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan bao gồm nhận biết, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng, đánh giá rủi ro, phân loại khách hàng theo rủi ro... Đồng thời, hiện nay cũng chưa xác định được cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đánh giá rủi ro ngành, thanh tra, giám sát về PCRT đối với các tổ chức, cá nhân này. Do vậy, việc bổ sung đối tượng báo cáo liên quan đến hoạt động cầm đồ chưa đảm bảo tính khả thi trong giai đoạn hiện nay.

Từ các vấn đề nêu trên, NHNN đề xuất chưa bổ sung đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh dịch vụ cầm đồ mà sẽ tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và học tập kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, NHNN kiến nghị các cơ quan quản lý như Bộ Công thương, Bộ Công an... theo chức năng, quyền hạn nghiên cứu, ban hành hướng dẫn cụ thể về hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ trong đó yêu cầu cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ có trách nhiệm tuân thủ quy định về công tác PCRT. Bên cạnh đó, khi tham gia ý kiến đối với dự thảo Luật, Bộ Công an không có ý kiến về việc chưa mở rộng đối tượng báo cáo đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại dự thảo Luật (Công văn số 2219/BCA-ANKT ngày 27/6/2022).

Tại Khoản 7 Điều 55 Luật ban hành văn bản QPPL 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “Trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nếu có sự thay đổi lớn về chính sách so với chính sách đã được Chính phủ thông qua thì bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.”. Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp và thực hiện quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL, NHNN đã bổ sung nội dung này vào Tờ trình Chính phủ để báo cáo Chính phủ.

2.3. Về báo cáo giao dịch đáng ngờ

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 2 và 3 Điều 25 dự thảo Luật giữ nguyên quy định các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản và dấu hiệu đáng ngờ theo từng lĩnh vực hoạt động của đối tượng báo cáo theo Luật PCRT 2012.

Tuy nhiên, tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật PCRT, cơ quan chủ trì soạn thảo đã đề xuất tại Chính sách 03 về Hoàn thiện các quy định về các biện pháp phòng ngừa áp dụng đối với đối tượng báo cáo, theo đó một trong những giải pháp thực hiện chính sách này là sửa đổi, bổ sung quy định về báo cáo giao dịch đáng ngờ, mở rộng các dấu hiệu cảnh báo về giao dịch đáng ngờ đến các lĩnh vực hoạt động khác của đối tượng báo cáo (ví dụ, đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, kế toán, luật sư,...). Do vậy, để đảm bảo thống nhất với chính sách đã đề xuất ở giai đoạn đề nghị xây dựng Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định về các dấu hiệu cảnh báo về giao dịch đáng ngờ trong các lĩnh vực hoạt động đã được xác định có thể phát sinh giao dịch đáng ngờ như lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý, công chứng, kế toán, dịch vụ pháp lý, dịch vụ ủy thác v.v...

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Trong quá trình lập đề nghị xây dựng luật, NHNN dự kiến sẽ rà soát kinh nghiệm các quốc gia, các báo cáo mô hình của các tổ chức quốc tế về PCRT, trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức để bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ trong các lĩnh vực khác của đối tượng báo cáo, đảm bảo quy định đầy đủ các dấu hiệu đáng ngờ phát sinh trong thực tiễn, đồng thời đảm bảo tính khả thi.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ trong một số lĩnh vực khác của đối tượng báo cáo như đã đề xuất tại Chính sách 03 theo kinh nghiệm các quốc gia và thể hiện trong các báo cáo mô hình của các tổ chức quốc tế về PCRT phần lớn đã

thuộc các dấu hiệu đáng ngờ cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của dự thảo Luật. Trong quá trình lấy ý kiến dự thảo Luật, các bộ ngành quản lý trong các lĩnh vực này không có đề xuất bổ sung các dấu hiệu đáng ngờ (Bộ Tài chính có đề xuất bổ sung dấu hiệu đáng ngờ đối với “dịch vụ kế toán”, tuy nhiên không đề xuất cụ thể các dấu hiệu này).

Do vậy, bên cạnh việc quy định dấu hiệu cơ bản chung cho tất cả các loại hình hoạt động, tại khoản 8 Điều 26 dự thảo Luật (kế thừa quy định tại Luật PCRT 2012) quy định: *“Khi phát hiện dấu hiệu đáng ngờ ngoài các dấu hiệu cơ bản nêu trên, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ ban hành bổ sung các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ theo các ngành, lĩnh vực có thể phát sinh trong từng thời kỳ”*. Quy định này sẽ đảm bảo tính khả thi trên thực tiễn, theo đó khi có phát sinh các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ ngoài những nội dung đã được quy định tại Điều 26 của dự thảo Luật, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản bổ sung các dấu hiệu giao dịch đáng ngờ.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN sẽ làm rõ nội dung này tại phần thuyết minh nội dung dự thảo Luật trong Tờ trình Chính phủ.

2.4. Về quy định cụ thể các nội dung được xác định tại đề nghị xây dựng Luật

a) Ý kiến thẩm định: Đối với một số chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm về mức độ quy phạm hóa, đặc biệt là các nội dung liên quan đến trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong PCRT, ví dụ, trách nhiệm Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại khoản 2 Điều 48 dự thảo Luật *“Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với pháp nhân được thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp theo quy định tại Điều 7 Luật này”*; trách nhiệm của Bộ Nội vụ tại khoản 2 Điều 49 dự thảo Luật *“Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các tổ chức phi lợi nhuận trong nước theo quy định tại Điều 7 Luật này”* v.v... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy phạm hóa cụ thể trách nhiệm của bộ, ngành đảm bảo minh bạch, áp dụng thống nhất trên thực tiễn. Ngoài ra, việc quy định các bộ, ngành phải thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền

đối với tất cả các tổ chức, pháp nhân nêu trên cần được đánh giá tính khả thi.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình:

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, dự thảo Luật đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, ngành để đảm bảo minh bạch, rõ ràng. Ví dụ đối với trách nhiệm đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, dự thảo Luật quy định NHNN chủ trì thực hiện, các Bộ ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện; đối với trách nhiệm đánh giá rủi ro ngành về rửa tiền, dự thảo Luật quy định các Bộ ngành có trách nhiệm triển khai đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền thuộc phạm vi quản lý của ngành trên cơ sở kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền và tình hình thực tế hoạt động của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, dự thảo Luật cũng bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết về tiêu chí đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia, ngành để các NHNN, các bộ, ngành triển khai thống nhất.

- Trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật, NHNN đã đề xuất và thực hiện đánh giá tác động theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) đối với Chính sách - Hoàn thiện các chính sách về đánh giá rủi ro rửa tiền quốc gia, ngành, đối tượng báo cáo; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, đối tượng báo cáo trong việc thực hiện định kỳ đánh giá rủi ro rửa tiền... Nội dung chính sách này cũng đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021.

Trên thực tế, NHNN đã chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành thực hiện việc đánh giá rủi ro quốc gia, ngành cho giai đoạn 2012 - 2017 (trong đó, cấu phần rủi ro ngành do các bộ, ngành chủ trì thực hiện). Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia này đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua vào năm 2019. Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Nội vụ cũng đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hoàn thành đánh giá rủi ro rửa tiền đối với pháp nhân, tổ chức phi lợi nhuận trong nước. Hiện nay, các bộ ngành đang phối hợp hoàn thành đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành lần 2 cho giai đoạn 2018 - 2022.

Việc xác định trách nhiệm đánh giá rủi ro của các bộ, ngành tại dự thảo Luật dựa trên phạm vi quản lý nhà nước của các bộ, ngành⁴. Trong quá trình tham gia ý

⁴ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ: "*Quản lý về đăng ký doanh nghiệp...; hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp...; kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử và sau đăng ký*

kiến, NHNN cũng đã tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành để điều chỉnh quy định tại dự thảo Luật cho phù hợp. Cụ thể, đối với trách nhiệm Bộ Nội vụ, tại khoản 2 Điều 49 dự thảo Luật đã được sửa đổi, bổ sung như sau: “...*Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền đối với các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và tổ chức tôn giáo*”. Về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong quá trình tham gia ý kiến, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không có ý kiến đối với nội dung này. Do vậy, việc yêu cầu các bộ, ngành thực hiện đánh giá rủi ro như đã quy định tại dự thảo là có tính khả thi.

2.5. Ý kiến thẩm định: Bên cạnh đó, một trong những định hướng sửa đổi Luật PCRT được xác định trong giai đoạn đề nghị xây dựng luật đó là sửa đổi một số quy định theo hướng đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với các yêu cầu của 40 Khuyến nghị của FATF; ví dụ: chỉnh sửa các quy định liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi về cách xác định, các yêu cầu thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi; xác định ngưỡng báo cáo đối với trường hợp vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 10 dự thảo quy định *‘Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi: Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi’*, nội dung này còn khái quát hơn so với Luật PCRT 2012⁵. Khoản 1 Điều 27 dự thảo quy định “cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng *trên mức quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải khai báo hải quan*”. Nội dung này chưa quy định cụ thể ngưỡng báo cáo theo như mục đích ban đầu đề ra tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật. Ngoài ra, đối với việc quy định đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, cơ quan chủ trì soạn thảo mới quy phạm một

doanh nghiệp trên phạm vi cả nước; quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; Điều a khoản 12 Điều 2 Nghị định 34/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ quy định Bộ Nội vụ: “Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ trong nước và hoạt động chữ thập đỏ theo quy định của pháp luật”.

⁵ Khoản 2 Điều 9 Luật Phòng, chống rửa tiền 2012 quy định Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi: a) Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi và áp dụng các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi; b) Đối với khách hàng là pháp nhân hoặc khi cung ứng dịch vụ thỏa thuận ủy quyền, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về quyền sở hữu và cơ cấu kiểm soát để xác định được cá nhân có lợi ích kiểm soát và chi phối hoạt động của pháp nhân hoặc thỏa thuận ủy quyền đó.

phần, đối với nội dung về tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, lĩnh vực, đối tượng báo cáo còn khá mờ nhạt.

Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo, nghiên cứu chỉnh lý quy định cụ thể các nội dung đã được xác định trong giai đoạn đề nghị xây dựng để đảm bảo minh bạch và phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng luật đã được thông qua. Đối với những nội dung có thay đổi hoặc không bổ sung theo như đề xuất tại giai đoạn đề nghị xây dựng Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có giải trình, đánh giá cụ thể đối với từng nội dung.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình:

- Việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi phải đưa ra các tiêu chí để xác định một cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế một tài sản, có quyền chi phối khi khách hàng thực hiện giao dịch cho cá nhân này hoặc cá nhân có quyền chi phối một pháp nhân hoặc một thỏa thuận pháp lý. Theo đó việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi phải sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng, mang tính kỹ thuật và có thể thay đổi trong từng thời kỳ. Do đó để đảm bảo tính khả thi, dự thảo Luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

- Việc quy định cụ thể ngưỡng kim loại quý, đá quý phải khai báo hải quan: Tại thời điểm lập đề nghị, NHNN đề xuất quy định các ngưỡng tại dự thảo Luật để bảo đảm rõ ràng, thống nhất cho quá trình thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật NHNN nhận thấy đây là vấn đề mang tính kỹ thuật và có thể thay đổi trong từng thời kỳ. Do đó, để đảm bảo tính khả thi, dự thảo Luật quy định giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết ngưỡng này.

- Về tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, lĩnh vực, đối tượng báo cáo: Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về bổ sung quy định tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, NHNN đã chỉnh sửa Điều 7 dự thảo Luật trong đó định hướng thực hiện việc đánh giá rủi ro ngành như sau:

“Điều 7. Đánh giá rủi ro quốc gia và rủi ro ngành về rửa tiền

1. Định kỳ 05 năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá.

Trường hợp có rủi ro phát sinh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối

hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện cập nhật đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả cập nhật đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá.

2. Các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm triển khai đánh giá, cập nhật rủi ro ngành về rửa tiền trên cơ sở kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về rửa tiền và tình hình thực tế hoạt động của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành; phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền trong nội bộ của bộ, ngành mình và đến các đối tượng báo cáo thuộc thẩm quyền quản lý, đồng thời có biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đã xác định.

3. Chính phủ quy định về tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền.”.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước

a) **Ý kiến thẩm định:** Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung dự thảo Luật cơ bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về phòng chống tham nhũng, rửa tiền, tài trợ khủng bố theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch hành động quốc gia về PCRT, tài trợ khủng bố giai đoạn 2015-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 2112/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền và tài trợ khủng bố” ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 07/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) **Ý kiến tiếp thu, giải trình:** NHNN thống nhất với ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

4.1. Về việc rà soát các nội dung dự thảo Luật với các văn bản pháp luật có liên quan

a) **Ý kiến thẩm định:** Một số nội dung cụ thể cần nghiên cứu, chỉnh lý để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của dự thảo Luật với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được thể hiện tại mục 9 phần II của báo cáo này. Ngoài ra, để đảm bảo tính

hợp hiến, hợp pháp của dự thảo Luật với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát nội dung dự thảo Luật với các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức Chính phủ, Bộ luật hình sự, Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Phòng, chống khủng bố, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Luật sư, Luật Công chứng, Luật Cư trú và các Nghị định xử lý vi phạm hành chính có liên quan...

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, NHNN đã thực hiện rà soát và bổ sung tại Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật PCRT (sửa đổi) đính kèm Hồ sơ dự án Luật.

4.2. Về vấn đề mở rộng đối tượng báo cáo (Điều 4 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Điểm d và đ khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì có bổ sung một số đối tượng báo cáo trong đó có “các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ” và “tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản ảo”. Bộ Tư pháp cho rằng, cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ và dịch vụ tài sản ảo là những vấn đề mới và đều đang trong quá trình nghiên cứu về việc có hay không coi đây là các hình thức kinh doanh hợp pháp và sự cần thiết có cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực này. Chính vì thế, đây là hai lĩnh vực chưa được thừa nhận chính thức là các loại hình kinh doanh trong các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, điểm d và điểm đ khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật quy định các đối tượng kinh doanh ở hai lĩnh vực này là các tổ chức tài chính và thuộc đối tượng báo cáo theo quy định của Luật này, đồng thời, theo tiêu đề của khoản 3 điều này thì hai tổ chức tài chính này được cấp giấy phép **theo quy định pháp luật**. Quy định này của dự thảo Luật là đã thừa nhận “*tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ*” và “*tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản ảo*” là những loại hình kinh doanh hợp pháp và đã được pháp luật thừa nhận. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thận trọng đối với việc bổ sung các đối tượng này là đối tượng báo cáo trong dự thảo Luật. Bộ Tư pháp cho rằng, chỉ quy định hai lĩnh vực trên là những tổ chức tài chính khi đã có những nghiên cứu thật kỹ lưỡng, thấu đáo và kết quả nghiên cứu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Để phù hợp khuyến nghị của FATF và đáp ứng

đánh giá của APG tại Báo cáo đánh giá đa phương, dự thảo Luật bổ sung một số hoạt động kinh doanh mới phát sinh có tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền mà tổ chức thực hiện hoạt động đó phải thực hiện báo cáo gồm các tổ chức được cấp phép thực hiện cung cấp dịch vụ tài sản ảo, cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ.

Đây là các hoạt động mới. Tại Việt Nam, khung pháp lý điều chỉnh cho các hoạt động này hiện đang trong giai đoạn nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện. Tuy nhiên, theo đánh giá của APG và các quốc gia trên thế giới, đây là những hoạt động có tiềm ẩn rủi ro về rửa tiền. Do các hoạt động này hầu hết được thực hiện trực tuyến, thông tin các bên trong giao dịch, thông tin giao dịch thường sử dụng mã số, ký hiệu nên các bên tham gia giao dịch có tính ẩn danh cao, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành các hoạt động điều tra, truy vết tội phạm.

Liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản ảo, tại khuyến nghị số 15 của FATF yêu cầu các quốc gia phải: (i) nhận diện và đánh giá rủi ro rửa tiền/tài trợ khủng bố (RT/TTKB) liên quan tới tài sản ảo (VA) và tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo (VASP); (ii) VA và VASP phải được đăng ký hoặc cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền; (iii) VA và VASP phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa về RT/TTKB; (iv) VA và VASP phải được quản lý, giám sát bởi cơ quan có thẩm quyền; (v) Quốc gia phải có các hình phạt phù hợp xử lý đối với trường hợp VA và VASP có vi phạm quy định của pháp luật; (vi) Hợp tác quốc tế liên quan việc chia sẻ thông tin về VA và VASP cho các đối tác nước ngoài.

Theo đánh giá của APG tại báo cáo đánh giá đa phương, một trong các lý do Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu tại khuyến nghị 15 của FATF do: các hoạt động VA và VASP đã tồn tại (bao gồm các hoạt động đầu tư và khai thác tiền mã hóa) ở Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam chưa có đánh giá quốc gia về rủi ro RT/TTKB phát sinh từ các hoạt động VA và các hoạt động của VASP. VA không được công nhận là phương tiện thanh toán, nhưng việc nghiêm cấm chỉ giới hạn tới tài sản ảo cho mục đích thanh toán, không bao gồm “tài sản” và việc sử dụng tài sản ảo cho các mục đích khác ngoài thanh toán. Các VASP không có nghĩa vụ phải thực hiện các bước thích hợp để xác định, đánh giá và giảm thiểu rủi ro RT/TTKB.

Nhằm nâng mức tuân thủ các khuyến nghị của FATF, thể hiện việc cố gắng khắc phục các thiếu hụt của Việt Nam đã được chỉ ra tại Báo cáo đánh giá đa

phương của APG (dự kiến sẽ được FATF xem xét vào tháng 3/2023 tới), dự thảo Luật bổ sung các VASP, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ là các đối tượng báo cáo theo Luật PCRT theo hướng là các đối tượng này là "các tổ chức tài chính được cấp phép theo quy định của pháp luật". Quy định này tạo cơ sở pháp lý để quản lý về PCRT đối với các tổ chức này ngay khi có khung pháp lý cụ thể và đảm bảo tính ổn định của dự thảo Luật. Hiện nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có các chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các bộ ngành nghiên cứu, hoàn thiện khung pháp lý đối với các hoạt động này.⁶

Quy định tại dự thảo Luật cũng phù hợp với xu hướng chung của pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới quy định các VASP là tổ chức tài chính phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa rửa tiền theo quy định của pháp luật về PCRT.

4.3. Về vấn đề chức năng, nhiệm vụ của Cục PCRT (Điều 4 dự thảo)

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Tại khoản 19 Điều 4 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung quy định: "*Cục Phòng, chống rửa tiền là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng phòng, chống rửa tiền, thu thập, phân tích và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền và các chức năng khác được quy định tại Luật này*". Bên cạnh đó, tại dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Cục PCRT về giao dịch chuyển tiền điện tử (Điều 26); cung cấp thông tin PCRT (Điều 33); tiếp nhận, thu thập và xử lý thông tin về PCRT (Điều 34); chuyển giao và trao đổi thông tin về PCRT (Điều 35, Điều 36); giám sát và chuyển giao thông tin giám sát về PCRT (Điều 37); đồng thời tại Điều 43 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của Bộ Công an phối hợp với Cục PCRT trong thực hiện các nhiệm vụ về PCRT, cụ thể như sau:

⁶ Tại Công văn số 1798/VPCP-KTTH ngày 23/2/2022 của Văn phòng Chính phủ, Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, thống nhất trao đổi với Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có liên quan để xác định cụ thể các văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới gắn với cơ quan chủ trì và thời gian thực hiện cụ thể để nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý, xử lý đối với tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hóa, tiền mã hóa.

Về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ, hiện nay, Chính phủ đang giao NHNN nghiên cứu, xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó, có điều chỉnh hoạt động này.

“Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm liên quan đến rửa tiền từ thông tin do Cục Phòng, chống rửa tiền chuyển giao và thông tin do đối tượng báo cáo cung cấp theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho Cục Phòng, chống rửa tiền” (khoản 1).

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp nhận thấy, việc quy định Cục PCRT là một đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước và sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ của Cục Phòng, chống rửa tiền tại dự thảo Luật là không bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và quy định của pháp luật, bởi một số lý do sau:

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã yêu cầu: *“Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy không được tăng thêm đầu mối và biên chế; trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị”*.

- Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đề ra nhiệm vụ, giải pháp như sau: *“Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; trường hợp cần thiết thì phải có quy trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá tác động chặt chẽ để Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có cơ sở xem xét, quyết định”*.

- Tại Điều 7 Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 quy định: *“Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước do Chính phủ quy định”* (khoản 2); *“Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật này”* (khoản 3). Đồng thời, tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ) quy định bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm trình Chính phủ: *“Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ*

cấu tổ chức của bộ và của cơ quan thuộc Chính phủ được phân công quản lý” (điểm a); “Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, gồm: Tổng cục và tổ chức tương đương (sau đây gọi chung là tổng cục), vụ và tổ chức tương đương (sau đây gọi chung là vụ), cục và tổ chức tương đương (sau đây gọi chung là cục)” (điểm b).

Căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên, Chính phủ là cơ quan có thẩm quyền quy định cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và quyết định thành lập cục thuộc Bộ mà không phải là thẩm quyền của Quốc hội. Đồng thời, việc đề xuất Cục Phòng, chống rửa tiền là một đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước cũng phải bảo đảm đáp ứng tiêu chí thành lập theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP⁷.

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước (thay thế cho Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ). Dự thảo Nghị định đang được lấy ý kiến Thành viên Chính phủ. Tại dự thảo Nghị định xin ý kiến Thành viên Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước không đề xuất bổ sung Cục Phòng, chống rửa tiền là đơn vị trong cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước.

Từ những lý do trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, cân nhắc kỹ về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Cục Phòng, chống rửa tiền như dự thảo Luật.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN đã chỉnh sửa dự thảo Luật theo hướng: không quy định tên Cục Phòng, chống rửa tiền tại Luật, chỉ quy định về đơn vị đầu mối về phòng, chống rửa tiền.

Tại khuyến nghị 29 của FATF về Đơn vị tình báo tài chính, yêu cầu mỗi quốc gia cần phải thành lập đơn vị tình báo tài chính (FIU) hoạt động như một trung tâm quốc gia để tiếp nhận, phân tích các báo cáo giao dịch đáng ngờ, các thông tin khác liên quan đến rửa tiền, các tội phạm nguồn, tài trợ khủng bố và chuyển giao các kết quả phân tích cho các cơ quan có thẩm quyền. FIU cần phải

⁷ Đây cũng là ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1156/TTg-TCCV ngày 13/9/2021 về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: “Rà soát, đánh giá kỹ và đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí thành lập tổ chức do Chính phủ quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP (đặc biệt là các tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục), Nghị định số 47/2019/NĐ-CP...”.

được trao đầy đủ thẩm quyền (trong các văn bản QPPL) để thu thập các thông tin bổ sung từ các tổ chức báo cáo, truy cập một cách kịp thời các thông tin tài chính, hành chính và thực thi pháp luật để thực hiện tốt 3 chức năng chính là (i) tiếp nhận, (ii) phân tích, và (iii) chuyển giao thông tin liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố một cách độc lập.

Theo kinh nghiệm quốc tế, nhiều nước quy định về FIU tại Luật, trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ của FIU trong việc thực hiện chức năng phòng, chống rửa tiền, thu thập, phân tích và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền và các chức năng khác được quy định tại Luật (theo tài liệu đính kèm).

Về cơ cấu, tổ chức của Cục PCRT: Hiện nay, Cục PCRT thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc NHNN đang được giao thực hiện vai trò, chức năng của FIU tại Việt Nam, nhưng chưa có quy định xác định Cục PCRT là đơn vị đầu mối về PCRT tại Luật mà chỉ có quy định Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện chức năng PCRT tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010. Theo chuẩn mực quốc tế, FIU phải là đơn vị làm nhiệm vụ tách biệt về PCRT và hạn chế tối đa việc có thêm các chức năng khác không gắn với PCRT cũng như có thêm các tầng trung gian kiểm soát để đảm bảo tính độc lập trong hoạt động. Việc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đang thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ khác nhau nên không thể được coi Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng là FIU.

Vị trí của Cục PCRT hiện tại rất khó để Cục PCRT có thể chứng minh tính độc lập tương đối của mình trong việc triển khai các nhiệm vụ được giao đáp ứng các Chuẩn mực quốc tế về PCRT. Ví dụ: các đơn vị đầu mối của các bộ, ngành có thành viên tham gia Ban chỉ đạo PCRT đều là đơn vị trực thuộc bộ, tuy nhiên, Cục PCRT là đơn vị trực thuộc tổng cục nên hoạt động phối hợp, hợp tác chưa đảm bảo tính đồng cấp; trong hoạt động hợp tác quốc tế, các FIU trên thế giới được khuyến nghị ký kết Bản ghi nhớ (MOU) để trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, người đứng đầu FIU là người có thẩm quyền ký MOU (*đây là thẩm quyền bắt buộc phải có của FIU*), nhưng Cục PCRT hiện nay không có thẩm quyền ký kết MOU, do theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, MOU phải được ký nhân danh Tổng cục, cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ. Điều này, gây nhiều khó khăn cho Cục

PCRT trong quá trình đàm phán ký kết MOU cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động trao đổi thông tin với đối tác nước ngoài (do nhiều FIU trên thế giới chỉ chấp nhận việc chia sẻ thông tin sau khi đã ký kết MOU) và thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam trong APG. Ngoài ra, với mô hình tổ chức, vị trí, chức năng của Cục PCRT hiện nay, chưa đáp ứng được yêu cầu về tính độc lập của FIU theo chuẩn mực quốc tế, là một trong lý do chính mà Việt Nam chưa gia nhập được Nhóm Các đơn vị tình báo báo chính Egmont (Nhóm Egmont) mặc dù đã có đơn gia nhập và đã được công nhận là quan sát viên của Nhóm Egmont từ năm 2010.

Tại Báo cáo đánh giá đa phương của APG năm 2022, APG đã đánh giá Việt Nam đạt mức Tuân thủ một phần (PC) đối với Khuyến nghị số 29 về FIU và chỉ ra việc *Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền (Cục PCRT) chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra, giám sát ngân hàng và Thống đốc NHNN về mọi hoạt động của Cục PCRT là chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu để Cục PCRT thực hiện chức năng của mình một cách độc lập và tự chủ; việc Cục PCRT nằm trong Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có thể dẫn đến một số quan ngại về vấn đề bảo mật thông tin và lo ngại về tính độc lập trong hoạt động của FIU, vốn được coi trọng đặc biệt.* Trên cơ sở đó, APG kiến nghị Việt Nam cần có các biện pháp để tăng cường năng lực, thẩm quyền và tính độc lập cho Cục PCRT để nâng cao hiệu quả công tác PCRT.

Bên cạnh đó, yêu cầu về công tác PCRT trong hình hình mới ngày càng khó khăn, phức tạp, đặc biệt là yêu cầu phải tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thành viên của các tổ chức quốc tế nhằm tránh các tác động bất lợi tới tình hình an ninh, kinh tế, chính trị của đất nước. Điều này đã gia tăng áp lực ngày càng lớn đối với hoạt động PCRT của Việt Nam, trong đó trực tiếp là trách nhiệm của Cục PCRT với vai trò là cơ quan đầu mối về PCRT của Việt Nam.

Do đó để nâng cao năng lực hoạt động của đơn vị đầu mối về PCRT, thúc đẩy thực hiện có hiệu quả các đánh giá của APG, khuyến nghị của FATF và phù hợp với quy định hiện hành, NHNN đang triển khai các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền về tách Cục PCRT trở thành một đơn vị thuộc NHNN.

4.4. Về giải thích từ ngữ

4.4.1. Về khái niệm rửa tiền

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 1 Điều 4 dự thảo đưa ra định nghĩa về rửa tiền,

theo đó, “Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân ***nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có***, bao gồm: a) Hành vi được quy định trong Bộ luật hình sự; b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý ***bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có***; c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản”.

Bộ Tư pháp nhận thấy, với cách giải thích như dự thảo Luật chưa đảm bảo sự thống nhất trong cách quy định cũng như chưa phản ánh đúng bản chất của hành vi rửa tiền khi yếu tố “***hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có***” vừa được quy định là mục đích của hành vi rửa tiền nói chung, vừa là phương thức thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý điều khoản trên để đảm bảo tính logic, thống nhất của quy định và phản ánh đúng bản chất của hành vi rửa tiền.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu, điểm b khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật được chỉnh sửa như sau: “b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý”.

4.4.2. Về khái niệm tài sản

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 2 Điều 4 dự thảo có quy định định nghĩa: *Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó.* Tuy nhiên, Điều 105 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.* Như vậy, định nghĩa về tài sản tại hai văn bản trên là khác nhau có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc quy định định nghĩa này tại dự thảo Luật để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất về quy định giữa các văn bản.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Về khái niệm tài sản tại dự thảo vẫn thống nhất với khái niệm tài sản tại Bộ luật dân sự 2015 (bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản), chỉ mô tả cụ thể hơn hình thức thể hiện các dạng của tài sản. Khái niệm này cũng phù hợp với khuyến nghị của FATF và được quy định tại Luật

PCRT 2012. Do đó, NHNN đề xuất tiếp tục kế thừa khái niệm này tại dự thảo Luật.

4.4.3. Về khái niệm tổ chức tài chính, tổ chức phi tài chính

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Khoản 3 và Khoản 4 Điều 4 dự thảo Luật quy định về khái niệm của tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính, theo đó tại khoản 3, cơ quan chủ trì soạn thảo giải thích theo hướng “*tổ chức tài chính là tổ chức được cấp giấy phép theo quy định pháp luật để thực hiện một hoặc một số hoạt động*”, trong khi đó tại khoản 4 quy định “*tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thực hiện một hoặc một số hoạt động*”. Như vậy, cách quy định tại 02 khoản này chưa đảm bảo sự thống nhất, do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý để đảm bảo thống nhất về cách thức giải thích.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Khái niệm về tổ chức tài chính, tổ chức phi tài chính tại dự thảo Luật được kế thừa tại Luật PCRT năm 2012, vì các hoạt động được liệt kê đối với các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam là các hoạt động phải được cấp phép hoạt động. Đối với các hoạt động của tổ chức phi tài chính, không phải tất cả các hoạt động đều phải được cấp phép ví dụ như hoạt động cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp... Do đó, đối với các tổ chức này dự thảo chỉ quy định là “*Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thực hiện một hoặc một số hoạt động sau...*”.

4.4.4. Về khái niệm thỏa thuận pháp lý

a) Ý kiến của Bộ Tư pháp: Khoản 17 Điều này quy định giải thích đối với thuật ngữ “thỏa thuận pháp lý”, theo đó “*Thoả thuận pháp lý là thỏa thuận được xác định theo luật pháp nước ngoài cho phép bên nhận ủy thác được chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ người ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì một mục đích được xác định trong văn bản ủy thác hoặc các quan hệ pháp lý khác có bản chất tương tự.*” Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy định nghĩa nêu trên chưa thực sự phản ánh nội hàm của thỏa thuận pháp lý bởi ủy thác chỉ là một hình thức của thỏa thuận pháp lý. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý để đảm bảo thể hiện đầy đủ nội hàm của các khái niệm.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu, chỉnh sửa thuật ngữ “thỏa thuận

pháp lý” tại khoản 16 Điều 3 dự thảo Luật như sau: *Thoả thuận pháp lý là thỏa thuận ủy thác hoặc các thỏa thuận khác có bản chất tương tự được xác lập theo luật pháp nước ngoài, cho phép bên nhận ủy thác được chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ người ủy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì một mục đích được xác định trong thỏa thuận ủy thác.*

4.4.5. Về một số thuật ngữ khác

a) **Ý kiến của Bộ Tư pháp:** Ngoài ra, tại một số quy định của dự thảo Luật còn có nội dung chưa được giải thích nội hàm như thuật ngữ “*ngân hàng vỏ bọc*” tại Điều 8 và Điều 16, thuật ngữ “*giám sát đặc biệt*” tại Điều 18, “*tổ chức phi lợi nhuận*” tại Điều 22 và Điều 50 dự thảo. Ngoài ra, một số quy định tại Điều 4 như điểm c Khoản 3 về “*dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ*”, tại điểm d khoản 3 về “*dịch vụ tài sản ảo*”, tại điểm đ khoản 4 về “*dịch vụ ủy thác (tín thác)*”, tại khoản 11 về “*chủ sở hữu hưởng lợi*”; tại Điều 17 về “*sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới*” là những thuật ngữ mới. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo để làm rõ nội hàm đối với khái niệm, thuật ngữ mới.

b) **Ý kiến tiếp thu, giải trình:** Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN đã rà soát và làm rõ một số thuật ngữ tại dự thảo Luật, cụ thể:

- Đối với thuật ngữ “*giám sát đặc biệt*”, NHNN đã điều chỉnh Điều 20 dự thảo Luật thành “*Giám sát một số giao dịch đặc biệt*” áp dụng đối với một số giao dịch được quy định tại khoản 1 Điều 20, không còn thuật ngữ “*giám sát đặc biệt*” tại dự thảo Luật.

- Đối với thuật ngữ “*sản phẩm, dịch vụ sử dụng công nghệ mới*”, để đảm bảo rõ ràng, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Đối tượng báo cáo phải nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi đưa vào sử dụng đối với:

a) Sản phẩm, dịch vụ mới;

b) Sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới”.

- Về thuật ngữ “*ngân hàng vỏ bọc*” đã được làm rõ tại khoản 18 Điều 3 dự thảo Luật như sau: “*Ngân hàng vỏ bọc là ngân hàng không có sự hiện diện thực tế tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà tại đó ngân hàng phải được thành lập và cấp*

phép, đồng thời không có sự liên kết hoặc kiểm soát của bất kỳ tổ chức tài chính nào đã được quản lý và giám sát";

- Về thuật ngữ “tổ chức phi lợi nhuận” được làm rõ tại khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật; thuật ngữ “chủ sở hữu hưởng lợi” được làm rõ tại khoản 11 Điều 3 dự thảo Luật.

- Về khái niệm “*dịch vụ trung gian kết nối người đi vay và người cho vay dựa trên nền tảng công nghệ*”, “*dịch vụ tài sản ảo*”: Như giải trình tại điểm b Mục 4.2 Phần II Báo cáo giải trình, đây là các hoạt động mới và khung pháp lý của các hoạt động này hiện đang được nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện. Phạm vi điều chỉnh của Luật PCRT chỉ quy định các quy định về phòng, chống rửa tiền phát sinh từ các hoạt động có rủi ro về rửa tiền, không quy định về việc cấp phép cũng như các nội dung, phạm vi hoạt động cụ thể của các hoạt động này. Do đó, các khái niệm này sẽ được nghiên cứu, quy định trực tiếp tại các văn bản chuyên ngành điều chỉnh hoạt động này (nếu cần thiết).

5. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

a) Ý kiến thẩm định: Bộ Tư pháp nhận thấy, các nội dung dự thảo Luật không trái với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, để đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích của nội dung chính sách với điều ước quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên như Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng v.v... tại dự thảo Tờ trình.

Về Đánh giá đa phương tại (Mục I.3) về cơ sở pháp luật quốc tế và cam kết quốc tế, dự thảo Tờ trình hiện có đề cập tới tình hình kết quả vòng Đánh giá đa phương hiện nay, tuy nhiên chưa nêu quá trình Việt Nam gia nhập và cam kết thực hiện hệ thống các Khuyến nghị và mục tiêu trực tiếp của FATF, cũng như chưa giải thích vì sao Việt Nam phải đáp ứng khuyến nghị và đánh giá điều kiện chính trị - pháp lý cũng như kinh tế - xã hội để đảm bảo đáp ứng những khuyến nghị của FATF. Đề nghị bổ sung một cách vắn tắt để cơ quan có thẩm quyền nắm được thông tin cơ bản để có căn cứ xem xét, quyết định.

Ngoài ra, do các khuyến nghị của FATF có nhiều nội dung mang tính kỹ

thuật ngành về tài chính, ngân hàng, do vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì rà soát để đảm bảo các đánh giá về tính tương thích của các chính sách, giải pháp với các khuyến nghị FATF được chính xác theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, NHNN đã rà soát, bổ sung tại Tờ trình Chính phủ và Báo cáo rà soát văn bản QPPL và điều ước quốc tế liên quan đến PCRT.

6. Về thủ tục hành chính việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hồ sơ dự án Luật cần có Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính và Báo cáo đánh giá vấn đề lồng ghép giới (nếu có). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung vào dự thảo Tờ trình khẳng định rõ việc có hay không thủ tục hành chính, vấn đề lồng ghép giới trong dự thảo Luật và xây dựng hai báo cáo này nếu dự thảo phát sinh thủ tục hành chính và vấn đề lồng ghép giới.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, NHNN đã bổ sung nội dung tại Tờ trình Chính phủ, trong đó nêu rõ dự thảo Luật không quy định thủ tục hành chính, không có nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

7. Về điều kiện nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Luật

a) Ý kiến thẩm định: Bộ Tư pháp thấy rằng, dự thảo Luật quy định bổ sung các đối tượng báo cáo bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho các bộ, ngành trong việc thanh tra, giám sát hoạt động PCRT cũng như đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước. Tuy nhiên, tại dự thảo Tờ trình Chính phủ chưa có đánh giá cụ thể về vấn đề nguồn lực về con người và ngân sách, đặc biệt là số lượng và cách thức bố trí cán bộ thực hiện việc tiếp nhận và xử lý các báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo mới cũng như việc thực hiện thanh tra, giám sát, đánh giá, cập nhật liên quan đến hoạt động rửa tiền tại các đối tượng báo cáo. Do đó, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá cụ thể điều kiện bảo đảm về nguồn lực thi hành Luật.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Việc đánh giá nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Luật chỉ thực hiện tại giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật, trong quá trình thực hiện đánh giá tác động chính sách. Theo quy định tại Luật ban hành

văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định nội dung Tờ trình trong quá trình soạn thảo Luật phải có nội dung này (Khoản 2 Điều 55).

Đối với việc bổ sung đối tượng báo cáo, bổ sung trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc thanh tra, giám sát hoạt động PCRT, đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước là các chính sách đã được NHNN đánh giá tác động và trình Chính phủ thông qua tại giai đoạn lập đề nghị xây dựng Luật.

Bên cạnh đó, NHNN cũng đã giải trình cụ thể về tính khả thi của các quy định này tại các điểm b Mục 2.4 Phần II của Báo cáo giải trình.

8. Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày; trình tự, thủ tục soạn thảo và hồ sơ dự thảo Luật

8.1. Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Luật để đảm bảo kỹ thuật soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ:

- Đề nghị những từ ngữ nào cần giải thích nên thống nhất đưa vào Điều 4 (giải thích từ ngữ) để không phải giải thích thêm bằng cách để trong dấu () hoặc để phông chữ nghiêng, như tại điểm đ, khoản 4, Điều 4 (trang 3 dự thảo Luật): “cung cấp dịch vụ ủy thác (tín thác)”.

- Điểm c Khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật về nhận biết khách hàng quy định tổ chức tài chính phải “*áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp có nghi ngờ giao dịch, các giao dịch liên quan hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền*”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại nội dung điều khoản này đảm bảo xúc tích, dễ hiểu, tránh lặp nội dung, lặp từ, đảm bảo kỹ thuật lập pháp.

- Khoản 2 Điều 9, đề nghị xem xét quy định tại mục d và đ do đang có quy định trùng lặp đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ ủy thác, tín thác, dịch vụ điều hành, quản lý doanh nghiệp.

- Điểm a khoản 1 Điều 10: về thông tin nhận biết khách hàng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không sử dụng đề mục i) ii) iii).

- Điều 15 quy định về khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị, tuy nhiên khoản 3 điều này quy định các đối tượng khách hàng không phải là cá nhân có ảnh hưởng chính trị như cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột và

bất kỳ người nào có các mối quan hệ với cá nhân khác với cá nhân có ảnh hưởng chính trị. Như vậy, nội dung của điều luật chưa thực sự phù hợp với tên của điều luật, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý điều luật nhằm đảm bảo phù hợp và bao quát với nội dung của điều luật.

- Dự thảo Luật sử dụng nhiều từ ngữ mang tính định tính, chưa mang tính định lượng (rất lớn, rủi ro cao, giao dịch có giá trị lớn,...), gây khó khăn cho việc áp dụng. Do đó, để đảm bảo tính khả thi cũng như thuận lợi trong quá trình áp dụng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, quy định cụ thể hơn.

Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát chỉnh lý các thuật ngữ trong toàn bộ dự thảo Luật để đảm bảo thống nhất với các luật chuyên ngành, ví dụ như Luật Công chứng, Luật Luật sư, Luật Cư trú v.v...

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình

- Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, NHNN đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật: bỏ cụm từ “các giao dịch liên quan” tại điểm c khoản 1 Điều 9; bỏ cụm từ “cung cấp dịch vụ ủy thác, tín thác” tại điểm d khoản 2 Điều 9; bỏ các đề mục i) ii) iii) tại điểm a khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 11; thay cụm từ “*phù hợp*” thành “*thống nhất*” tại khoản 2 Điều 11; bỏ cụm từ “(tín thác)” và thống nhất giải thích thuật ngữ thỏa thuận pháp lý tại khoản 17 Điều 4; rà soát các thuật ngữ để đảm bảo thống nhất với các thuật ngữ chuyên ngành như Luật Công chứng, Luật Luật sư, Luật cư trú...

- Về tên Điều 17: Điều khoản này chỉ điều chỉnh mối quan hệ khi các cá nhân liên quan trở thành khách hàng của đối tượng báo cáo chứ không điều chỉnh phạm vi rộng là các cá nhân có ảnh hưởng chính trị nói chung. Do đó, NHNN đề nghị được giữ nguyên tên gọi Điều 17 như dự thảo Luật.

- Về thuật ngữ mang tính định tính, chưa mang tính định lượng (rất lớn, rủi ro cao, giao dịch có giá trị lớn...): Đây là các quy định mang tính định lượng, có thể thay đổi trong từng thời kỳ. Do đó, tại dự thảo Luật giao cho Chính phủ/NHNN quy định nội dung này. Nội dung này cũng được kế thừa theo Luật PCRT năm 2012 và hiện đang được hướng dẫn tại Nghị định 116/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật PCRT (đã được sửa đổi, bổ sung).

8.2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Bộ Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, trình tự, thủ tục soạn thảo dự án Luật đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy

định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số trình tự, thủ tục chưa thực sự đầy đủ, cụ thể:

- Dự thảo Luật đã bổ sung một số đối tượng báo cáo mới so với Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012. Như vậy, đối tượng báo cáo mới được bổ sung là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án Luật. Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 6 và Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc *trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan*. Tuy nhiên, hiện nay, chưa có ý kiến của các đối tượng này tại hồ sơ dự án Luật.

- Hồ sơ dự án Luật được cơ quan chủ trì soạn thảo đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ 10/6/2022. Tuy nhiên theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử cần ít nhất 60 ngày để lấy ý kiến các đối tượng, cơ quan, tổ chức có liên quan. Tuy nhiên, đến thời điểm thẩm định thì thời gian đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của dự án Luật chưa đủ 30 ngày. Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo cũng chưa cập nhật đầy đủ ý kiến các bộ, ngành.

Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục đăng tải dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, các bộ, ngành và các đối tượng có liên quan như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình

- Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản QPPL 2015 (đã sửa đổi, bổ sung), NHNN đã thực hiện đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và NHNN để lấy ý kiến rộng rãi; gửi hồ sơ dự án Luật đến 18 Bộ ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, VCCI, đối tượng chịu sự tác động (thông qua 05 Hiệp hội ngành nghề) để tham gia ý kiến; tổ chức hội thảo để lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức có liên quan.

Tại thời điểm Bộ Tư pháp tổ chức họp Hội đồng thẩm định, NHNN đã nhận được ý kiến của 13/18 bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ý kiến của các đối

tượng chịu sự tác động (Hiệp hội ngân hàng, nhóm các ngân hàng, 09 tổ chức tín dụng), các ý kiến này đều được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ và cập nhật cho các thành viên tại cuộc họp.

Đến thời điểm hiện nay, NHNN đã nhận được ý kiến của 16/18 Bộ ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, VCCI (qua Bộ Tư pháp), Hiệp hội kinh doanh bảo hiểm, Hiệp hội ngân hàng, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán, Nhóm công tác ngân hàng và ý kiến các đối tượng khác. Các ý kiến tham gia đã được NHNN nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ (đính kèm hồ sơ dự án Luật).

- Về thời gian đăng tải dự thảo Luật: Thời hạn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của NHNN, tại Công văn NHNN đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng tải, NHNN đề xuất rõ thời hạn đăng tải lấy ý kiến là 60 ngày. Trong thời gian dự thảo được đăng tải lấy ý kiến, các ý kiến góp ý của cá nhân, tổ chức về dự thảo Luật (nếu có) sẽ được NHNN tiếp thu, giải trình đầy đủ theo quy định.

8.3. Về hồ sơ dự thảo Luật

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Dự thảo Luật có quy định giao Chính phủ ban hành văn bản quy định chi tiết một số nội dung của dự thảo Luật (04 điều luật giao Chính phủ; 01 điều luật giao Thủ tướng Chính phủ và 02 điều luật giao Ngân hàng Nhà nước). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì “*Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khẩn trương nghiên cứu, chuẩn bị và bổ sung dự thảo các văn bản dự kiến quy định chi tiết nội dung của dự thảo Luật vào Hồ sơ dự án Luật.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Khoản 2 Điều 11 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “*Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh*”.

Tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) quy định trách nhiệm của Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL: “*Chuẩn bị dự thảo văn bản quy định chi tiết sau khi Chính phủ quyết định trình dự án luật, pháp lệnh*”.

Thực hiện các quy định nêu trên, NHNN đang khẩn trương xây dựng văn bản

quy định chi tiết và sẽ bổ sung vào Hồ sơ dự án Luật sau khi Chính phủ quyết định trình dự án luật theo đúng quy định.

8.4. Về Báo cáo rà soát văn bản QPPL có liên quan đến dự thảo Luật

a) Ý kiến thẩm định: Bộ Tư pháp nhận thấy, một số nội dung dự thảo Luật liên quan đến Luật Luật sư, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính ... Tuy nhiên, tại Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo mới rà soát mang tính thủ công là liệt kê tên và nội dung các điều luật của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mà chưa có những phân tích, đánh giá về tính đồng bộ, tính thống nhất và tính khả thi giữa quy định của các văn bản quy phạm pháp luật này với quy định của các điều luật tại dự thảo Luật. Trong khi đó, qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy, một số nội dung của dự thảo Luật chưa thực sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất với quy định tại một số đạo luật khác có liên quan, có thể kể tới một số quy định sau:

+ Đối với những quy định về việc nhận biết, xác minh thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba, khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật quy định: *“bên thứ ba tuân thủ các yêu cầu về nhận biết, xác minh thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Luật này hoặc khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính trong trường hợp bên thứ ba là tổ chức nước ngoài”* hoặc *“bên thứ ba phải thu thập, lưu trữ thông tin và cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin nhận biết, xác minh khách hàng cho đối tượng báo cáo khi được yêu cầu”*.... Bộ Tư pháp cho rằng, các quy định này có thể dẫn đến xung đột với các quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của một số loại hình dịch vụ nhất định, đặc biệt là nghĩa vụ của Luật sư với khách hàng theo quy định của Luật Luật sư, bởi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) thì một trong các hành vi bị nghiêm cấm là: *“Tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác”*.

+ Điều 40 dự thảo Luật quy định: *“Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.”* Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa rà soát xem hệ thống pháp luật xử

lý vi phạm hành chính và các văn bản khác có liên quan đã quy định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm nào trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền; những hành vi vi phạm nào chưa có quy định để xử phạt vi phạm hành chính. Chính vì thế, để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ và phù hợp của hệ thống pháp luật cũng như đảm bảo tính khả thi của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm các nội dung phân tích, đánh giá tính tương thích, sự phù hợp giữa các quy định của dự thảo Luật với quy định tại các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến thẩm định, NHNN đã bổ sung nội dung rà soát này tại Báo cáo rà soát các văn bản QPPL có liên quan. Qua quá trình rà soát, NHNN nhận thấy quy định tại dự thảo Luật không có sự mâu thuẫn đối với quy định tại các Luật này. Liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin, tại khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật đã quy định đối tượng báo cáo phải đảm bảo bên thứ ba, tổ chức khác được thuê xác minh thông tin khách hàng phải *“thực hiện bảo mật thông tin khách hàng theo quy định pháp luật”*. Đồng thời, dự thảo Luật cũng đã bổ sung các quy định hạn chế về bên thứ ba, tổ chức khác để đảm bảo trách nhiệm của các bên trong quá trình nhận biết, xác minh, cập nhật thông tin khách hàng.

Về Điều 40: Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và do nội dung chỉ mang tính chất dẫn chiếu nên NHNN đã bỏ Điều 40 tại dự thảo Luật. Về việc rà soát sự tương thích của các quy định về xử lý vi phạm hành chính về PCRT, NHNN đã thực hiện rà soát tại báo cáo rà soát pháp luật liên quan đến PCRT.

9. Về dự thảo Tờ trình

a) Ý kiến thẩm định:

Thứ nhất, khoản 2 Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “Tờ trình dự án, dự thảo phải nêu rõ sự cần thiết ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; quá trình xây dựng dự án, dự thảo; bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo văn bản; tính thống nhất của dự thảo văn bản với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự án, dự thảo; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.” Tuy nhiên, tại dự

thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo chưa nêu nội dung về tính thống nhất của dự thảo văn bản với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự án, dự thảo; tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nội dung này, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ hai, đối với mục I về sự cần thiết ban hành văn bản, tại trang 5 dự thảo Tờ trình, cơ quan chủ trì soạn thảo có nêu một trong những yêu cầu của việc sửa đổi Luật Phòng, chống rửa tiền là do về khuôn khổ pháp lý, bởi hiện quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam vẫn còn những thiếu hụt, không đáp ứng hoặc mới đáp ứng được một phần các yêu cầu tại 27/40 Khuyến nghị của FATF, trong đó có 5/6 khuyến nghị cốt lõi và Việt Nam có thời hạn 01 năm để thực hiện khắc phục thiếu hụt nêu trong Báo cáo đánh giá của APG. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa nêu được những thiếu hụt nào là những thiếu hụt cần được khắc phục trong Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi). Do vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm nội dung này.

Thứ ba, đề nghị rà soát, chỉnh sửa dự thảo Tờ trình theo hướng thuyết minh chi tiết những nội dung cơ bản sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật. Trong đó nêu rõ những vấn đề lớn theo từng chương, nêu rõ lý do sửa đổi, bổ sung; những vấn đề có ý kiến khác nhau (nếu có). Bên cạnh đó, nội dung mới được bổ sung tại các điểm b, c khoản 3 Điều 57 quy định về nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền nhưng dự thảo Tờ trình lại không đề cập đến vấn đề này.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến thẩm định, NHNN đã chỉnh sửa, bổ sung tại Tờ trình Chính phủ.

10. Một số nội dung cụ thể của dự thảo Luật

10.1. Một số ý kiến kỹ thuật

a) Ý kiến thẩm định: Bộ Tư pháp đề nghị rà soát, chỉnh sửa một số nội dung tại khoản 2 Điều 1, Điều 3, Điều 6, khoản 6 Điều 8, Điều 40, Điều 46, ý kiến về hiệu lực của Luật PCRT năm 2012 tại Điều 59 dự thảo Luật.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: NHNN đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến thẩm định đối với các nội dung tại khoản 2 Điều 1, Điều 3, Điều 6, khoản 6 Điều 8, Điều 40,

Điều 46, khoản 1 Điều 59 dự thảo Luật.

10.2. Về đối tượng báo cáo (Điều 4 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 5 Điều 4 dự thảo Luật quy định “Đối tượng báo cáo là tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này”. Theo đó, đối tượng báo cáo bao gồm tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý, đá quý. Như vậy, có thể hiểu tất cả cá nhân, tổ chức bao gồm những cá nhân, tổ chức kinh doanh nhỏ lẻ đều có thể là đối tượng báo cáo và phải tuân thủ các nghĩa vụ báo cáo. Điều này kéo theo trách nhiệm của bộ, ngành liên quan trong việc quản lý, thanh tra, giám sát, đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền tại tất cả tổ chức, cá nhân này. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc tính khả thi của quy định này và nghiên cứu chỉnh lý xác định phạm vi kinh doanh mà cá nhân, tổ chức được coi là đối tượng báo cáo.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Các khuyến nghị của FATF không xác định đối tượng báo cáo dựa vào quy mô mà chỉ dựa vào loại hình hoạt động. Như vậy, theo FATF, tất cả các cá nhân, tổ chức thực hiện các loại hình hoạt động này đều được coi là đối tượng báo cáo.

Quy định này được kế thừa tại Luật PCRT năm 2012. Theo quy định tại dự thảo Luật, các tổ chức kinh doanh kim loại quý, đá quý chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ tại Luật trong trường hợp: nhận biết khách hàng khi giao dịch có giá trị lớn bằng tiền mặt, báo cáo giao dịch có giá trị lớn (mức giao dịch có giá trị lớn hiện nay là 300 triệu), báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Trong quá trình lập đề nghị xây dựng chính sách đã có nội dung chính sách liên quan đến trách nhiệm bộ, ngành trong công tác PCRT và NHNN đã đánh giá tác động đối với chính sách này.

10.3. Về đánh giá rủi ro về rửa tiền (Điều 7 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Điều 7 dự thảo Luật quy định về đánh giá rủi ro quốc gia và rủi ro ngành về rửa tiền, Bộ cho rằng nên chuyển nội dung này sang Chương II về Biện pháp PCRT. Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc thiết kế một mục riêng về đánh giá rủi ro rửa tiền bao gồm đánh giá rủi ro rửa tiền quốc gia, rủi ro ngành, rủi ro lĩnh vực và đánh giá rủi ro của các đối tượng báo cáo. Bên cạnh đó, để đảm bảo việc đánh giá rủi ro quốc gia, rủi ro ngành, rủi ro lĩnh vực về rửa tiền của các bộ, ngành được minh bạch, thống nhất và toàn diện, đề nghị cơ

quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về tiêu chí, quy trình đánh giá rủi ro đối với từng nội dung đánh giá rủi ro quốc gia, ngành và lĩnh vực..

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Chương II của dự thảo Luật PCRT về biện pháp PCRT bao gồm các quy định liên quan đến trách nhiệm của đối tượng báo cáo. Điều 7 quy định trách nhiệm đánh giá rủi ro rửa tiền quốc gia, và rủi ro ngành, rủi ro lĩnh vực của cơ quan nhà nước. Vì vậy, không thể gộp Điều 7 vào Chương II.

Theo khuyến nghị của FATF nhấn mạnh quốc gia hoàn toàn có thể chủ động lựa chọn phương pháp, công cụ để thực hiện đánh giá, đảm bảo tính hợp lý trong kết luận đánh giá rủi ro của quốc gia.

Tiếp thu ý kiến thẩm định, Điều 7 dự thảo Luật đã được chỉnh sửa theo hướng: nội dung đánh giá rủi ro quốc gia do NHNN chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện. Rủi ro ngành do các bộ, ngành triển khai trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và *tình hình thực tế hoạt động của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành*. Đồng thời, dự thảo Luật bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia, ngành về rửa tiền (khoản 3 Điều 7) và giao NHNN hướng dẫn đánh giá rủi ro rửa tiền đối tượng báo cáo (tại Điều 15) để đảm bảo tính khả thi và thống nhất trong quá trình thực hiện.

10.4. Về biện pháp xác minh thông tin nhận biết khách hàng (Điều 14 dự thảo)

a) Ý kiến của Bộ Tư pháp: Bộ nhận thấy vấn đề thuê các tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách hàng quy định tại khoản 3 Điều 12 cần được quy định cụ thể nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các khách hàng cá nhân, tổ chức, tránh việc lạm dụng quy định này để thực hiện việc tìm kiếm thông tin khách hàng một cách tràn lan, trái quy định của pháp luật..

b) Ý kiến của NHNN: Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN đã bổ sung Điều 13 tại dự thảo Luật quy định về việc xác minh thông tin khách hàng thông qua việc thuê tổ chức khác. Theo đó, về điều kiện của tổ chức được thuê phải là "*tổ chức khác được thành lập và hoạt động quy định của pháp luật*", bổ sung quy định trách nhiệm đối tượng báo cáo phải bảo đảm tổ chức được thuê *bảo mật thông tin khách hàng theo quy định pháp luật*. Đối tượng báo cáo phải chịu trách nhiệm về kết quả xác minh thông tin khách hàng của tổ chức được thuê. Đồng thời, dự thảo Luật quy định rõ "việc thuê tổ chức khác để xác minh thông tin nhận biết khách

hàng thực hiện theo thỏa thuận của các bên và các quy định của pháp luật liên quan", theo đó, tùy theo đặc thù của từng lĩnh vực hoạt động của đối tượng báo cáo sẽ có quy định phù hợp để đảm bảo an toàn đối với hoạt động này.

10.5. Về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền (Điều 14 dự thảo)

10.5.1. Về trình tự thực hiện

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật quy định “căn cứ kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, đối tượng báo cáo về rửa tiền, quy trình quản lý rủi ro, thông tin nhận biết, xác minh thông tin khách hàng, đối tượng báo cáo phải thực hiện phân loại khách hàng theo các mức độ rủi ro về rửa tiền”. Như vậy, với quy định này thì trước khi xác định và phân loại cấp độ rủi ro của khách hàng, đối tượng báo cáo phải thực hiện việc nhận biết và xác minh thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 dự thảo Luật. Tuy nhiên, tại điểm b, c khoản 2 điều này lại quy định các biện pháp áp dụng đối với các khách hàng có rủi ro rửa tiền trung bình và cao bao gồm các biện pháp nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng. Như vậy, sẽ không rõ là việc nhận biết và cập nhật, xác minh thông tin khách hàng được thực hiện trước hay sau khi đã đánh giá mức độ rủi ro rửa tiền của khách hàng. Theo logic thì để đánh giá được mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng, các đối tượng báo cáo cần thực hiện việc nhận biết thông tin khách hàng cũng như xác minh thông tin khách hàng làm căn cứ đánh giá mức độ rủi ro của khách hàng. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu và quy định rõ việc nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng được thực hiện trước hay sau khi phân loại khách hàng, nếu được thực hiện ở cả hai giai đoạn trước và sau phân loại khách hàng thì việc nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng ở hai giai đoạn khác nhau như thế nào.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Việc thực hiện nhận biết khách hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 9 dự thảo Luật, theo đó việc nhận biết khách hàng được thực hiện trước khi đối tượng báo cáo phân loại khách hàng.

Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, để đảm bảo rõ ràng, điểm a khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật quy định như sau: “a) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, đối tượng báo cáo có thể áp dụng các biện pháp nhận biết; cập nhật, xác minh thông tin khách hàng ở mức độ giảm nhẹ sau lần đầu thiết lập quan hệ với

khách hàng;”

10.5.2. Về việc phân loại theo mức độ rủi ro

a) Ý kiến thẩm định:

- Điều 14 dự thảo Luật xác định cách phân loại khách hàng theo ba cấp độ là khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp; khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình và khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao. Tuy nhiên, điều luật này lại chưa quy định tiêu chí để phân định các mức độ rủi ro thấp, rủi ro trung bình và rủi ro cao làm căn cứ cho các đối tượng báo cáo phân loại rủi ro rửa tiền đối với từng đối tượng khách hàng. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ nội dung này.

- Điểm a khoản 2 quy định đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, đối tượng báo cáo có thể thực hiện nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng ở mức độ giảm nhẹ, còn điểm b khoản 2 quy định đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải thực hiện nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 9, 10, 11 của Luật này. Như vậy có thể hiểu là đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp thì không cần phải thu thập thông tin đầy đủ theo Điều 10 hoặc thực hiện việc cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo Điều 11. Tuy nhiên Bộ Tư pháp cho rằng những thông tin nhận biết khách hàng tại Điều 10 cần được đảm bảo áp dụng đối với cả khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp. Do vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm về quy định này..

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình:

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, NHNN đã điều chỉnh nội dung tại Điều 16 đảm bảo rõ ràng hơn. Cụ thể, khoản 1 Điều 16 quy định: “*Căn cứ kết quả đánh giá rủi ro quốc gia, ngành, đối tượng báo cáo về rửa tiền, đối tượng báo cáo phải xây dựng quy trình quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu các rủi ro về rửa tiền đã được nhận diện và xác định tại tổ chức mình. Quy trình quản lý rủi ro phải bao gồm việc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro thấp, trung bình, cao và các biện pháp áp dụng tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng.*”.

- Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, để đảm bảo rõ ràng, điểm a khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật quy định như sau: “a) Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, đối tượng báo cáo có thể áp dụng các biện pháp nhận biết, cập nhật, xác

minh thông tin khách hàng ở mức độ giảm nhẹ sau lần đầu thiết lập quan hệ với khách hàng;”

10.6. Về nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba (Điều 19 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Điều 19 khoản 1 quy định đối tượng báo cáo có thể nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba, tuy nhiên không nêu điều kiện về tiêu chí và trường hợp nào có thể thông qua bên thứ ba để nhận biết khách hàng. Quy định này có thể hiểu mọi trường hợp đối tượng báo cáo có thể nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cho rằng cần giới hạn những trường hợp nhất định mới thông qua bên thứ ba, còn lại vẫn đảm bảo đối tượng báo cáo tự mình thực hiện việc nhận biết khách hàng.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Theo Khuyến nghị 19 của FATF, các đối tượng báo cáo có thể nhận biết khách hàng qua bên thứ ba với điều kiện phải đảm bảo các yêu cầu đối với bên thứ ba, không giới hạn các trường hợp được nhận biết thông qua bên thứ ba. Các yêu cầu, điều kiện đối với bên thứ ba bao gồm: bên thứ ba phải là tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan; bên thứ ba phải tuân thủ các yêu cầu nhận biết, xác minh thông tin khách hàng.... Đồng thời, dự thảo Luật cũng bổ sung các quy định về điều kiện đối với bên thứ ba là công ty con của công ty mẹ là tổ chức tài chính thì công ty mẹ cũng cần phải tuân thủ các điều kiện được quy định tại dự thảo Luật. Trong thực tế, quy định chặt chẽ về điều kiện của bên thứ ba cũng là một trong các cách để làm rõ trường hợp nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba mà không hạn chế quyền tự do kinh doanh của đối tượng báo cáo.

Mặt khác, dự thảo Luật đã quy định đối tượng báo cáo khi thực hiện nhận biết, xác minh thông tin khách hàng qua bên thứ ba thì vẫn phải chịu trách nhiệm đối với kết quả nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng, đồng thời đảm bảo bên thứ ba phải thực hiện bảo mật thông tin khách hàng theo quy định pháp luật.

Với các quy định nêu trên, không cần thiết phải bổ sung tiêu chí và giới hạn các trường hợp được nhận biết khách hàng qua bên thứ ba để đảm bảo phù hợp với Khuyến nghị 19, nâng mức tuân thủ khuyến nghị này của Việt Nam.

10.7. Về minh bạch thông tin của pháp nhân (Điều 20 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Khoản 3 Điều 20 dự thảo Luật quy định, “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực

hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 1, 2 Điều này cung cấp thông tin”. Tuy nhiên, những thông tin này ảnh hưởng đến quyền của cá nhân, tổ chức và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, Bộ Tư pháp cho rằng, cần quy định rõ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền là những cơ quan nào được phép yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, để đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của pháp nhân..

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Dự thảo Luật đã thể hiện rõ “cơ quan có thẩm quyền là NHNN VN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền...” có thể bao gồm các cơ quan tại Chương III dự thảo Luật.

Đồng thời để đảm bảo quyền của các cá nhân và tổ chức và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tại khoản 1 Điều 53 dự thảo Luật đã quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

10.8. Về thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về PCRT (Mục 3 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Tên của mục 3 dự thảo Luật là về thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về PCRT. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung tại mục này mới tập trung vào việc quy định chức năng, nhiệm vụ của Cục PCRT mà chưa chú trọng tới việc quy định cụ thể về những nội dung, quy trình, phương thức, cơ chế thu thập thông tin, xử lý thông tin và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền của các bộ, ngành. Bên cạnh đó, với các lý do được nêu tại điểm 3.2 của Báo cáo thẩm định, việc quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ tại văn bản Luật là không phù hợp. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý nội dung tại mục này cho phù hợp.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, NHNN đã chỉnh sửa tên và nội dung Mục 3 dự thảo Luật cho phù hợp.

10.9. Về phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản (Điều 39 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Điều 39 dự thảo Luật cơ bản giữ nguyên quy định của Luật PCRT 2012 về phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản, theo đó,

khoản 2 Điều này quy định thời hạn áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch là không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu áp dụng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc tính khả thi của thời hạn 03 ngày làm việc trong việc đảm bảo xác minh một giao dịch có liên quan đến hoạt động phạm tội và ngăn chặn được việc tẩu tán tài sản trong trường hợp giao dịch đó thực sự có liên quan đến hoạt động phạm tội. Bởi trong thời hạn 03 ngày làm việc, đối tượng báo cáo phải báo cáo về Ngân hàng Nhà nước để xác minh thông tin. Sau khi xác minh thông tin và có căn cứ cho rằng giao dịch đó có liên quan đến hoạt động phạm tội, Ngân hàng Nhà nước lại báo cáo cơ quan chức năng (cơ quan điều tra) để xác minh thông tin. Khi cơ quan chức năng đã xác minh được thông tin thì mới quyết định việc áp dụng biện pháp phong tỏa hoặc niêm phong hoặc tạm giữ tài sản của khách hàng trong trường hợp giao dịch đó có liên quan đến hoạt động phạm tội.

Tại Tờ trình số 03/TTr-BTP ngày 25/2/2021 của Bộ Tư pháp về Báo cáo Nghiên cứu, đề xuất xây dựng biện pháp tịch thu tài sản không qua thủ tục kết tội và đề xuất hoàn thiện pháp luật liên quan, một trong những đề xuất sửa đổi hoàn thiện pháp luật nhằm ngăn chặn sớm việc tẩu tán tài sản và tăng cường hiệu quả việc thu hồi tài sản phạm tội trong pháp luật về phòng, chống rửa tiền cũng đã đề xuất nghiên cứu việc kéo dài thêm thời gian trì hoãn giao dịch, đảm bảo đối tượng khách hàng không có cơ hội tẩu tán tài sản, góp phần tăng cường hiệu quả công tác thu hồi tài sản phạm tội. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm về nội dung này.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Biện pháp trì hoãn giao dịch về bản chất là biện pháp phong tỏa tạm thời tài sản của khách. Tuy nhiên khác với biện pháp phong tỏa chỉ thực hiện khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, biện pháp trì hoãn giao dịch do đối tượng báo cáo chủ động áp dụng khi phát hiện các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội, qua đó nhằm ngăn chặn kịp thời việc thực hiện các hành vi phạm tội, tẩu tán tài sản tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận và ra quyết định xử lý. Việc trì hoãn giao dịch liên quan trực tiếp tới quyền lợi của khách hàng, do đó chỉ nên áp dụng trong một khoảng thời gian hợp lý, tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng trong trường hợp giao dịch của khách hàng không liên quan đến hành vi phạm

tội. Đồng thời quy định này cũng để nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước khi tiếp nhận thông tin của đối tượng báo cáo.

10.10. Về trách nhiệm của Bộ Công an (Điều 43 dự thảo)

a) Ý kiến Bộ Tư pháp: Điều 43 quy định tại khoản 1: Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tội phạm liên quan đến rửa tiền do Cục phòng, chống rửa tiền chuyển giao và thông tin do đối tượng báo cáo cung cấp theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho Cục phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, trách nhiệm của Bộ Công an là tiếp nhận và xử lý nguồn tin báo, tố giác tội phạm từ các nguồn mà không chỉ là từ NHNN hay đối tượng báo cáo. Do vậy đề nghị giữ nguyên như quy định cũ của Luật PCRT 2012.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Tiếp thu ý kiến thẩm định, NHNN đã chỉnh sửa khoản 1 Điều 41 dự thảo Luật như sau: “Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho đơn vị đầu mối”.

10.11. Về hiệu lực thi hành (Điều 59 dự thảo)

a) Ý kiến thẩm định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn cân nhắc bỏ quy định tại khoản 2 Điều này cho phù hợp với quy định về chức năng, nhiệm vụ của Cục phòng, chống rửa tiền như các ý kiến đã nêu tại Báo cáo thẩm định này

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Như nội dung giải trình tại điểm b Mục 4.3 Phần II Báo cáo giải trình, hiện nay NHNN đang thực hiện các thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vị trí và vai trò của Cục PCRT. Để phù hợp với nội dung báo cáo giải trình, cần thiết phải sửa khoản 1 Điều 49 Luật NHNN để tách chức năng PCRT khỏi chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng.

10.12. Về quy định dẫn chiếu (Điều 60 dự thảo):

a. Ý kiến thẩm định: Điều 60: Các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 áp dụng cho đối tượng báo cáo theo Điều 34, 35 của Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13 ngày 12 tháng 06 năm 2013 và pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định từ Điều 9 đến Điều 32 của Luật này.

Tuy nhiên, hiện nay Luật Phòng, chống khủng bố đang được tổng kết, có thể được sửa đổi, bổ sung trong tương lai dẫn đến các quy định của Luật Phòng, chống

khủng bố và các văn bản liên quan sẽ được sửa đổi theo, do đó việc dẫn chiếu cụ thể nêu trên có thể bị lỗi thời trong tương lai, do vậy cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc điều chỉnh quy định này theo hướng: “*Các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 được dẫn chiếu tại các văn bản quy phạm pháp luật khác được sửa đổi tương ứng theo quy định của Luật này.*”

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình: Nội dung Điều này để sửa đổi các quy định có liên quan tại Luật Phòng, chống khủng bố nhằm đáp ứng khuyến nghị của FATF và đánh giá của APG. Đây cũng là đề xuất của Bộ Công an tại Công văn số 2219/BCA-ANKT ngày 27/6/2022 về việc tham gia ý kiến dự án Luật PCRT (sửa đổi). Trong quá trình xây dựng Luật, Bộ Công an và NHNN sẽ bổ sung các hồ sơ cần thiết. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, để đảm bảo rõ ràng, khoản 3 Điều 54 dự thảo Luật quy định về việc sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống khủng bố được chỉnh sửa như sau:

3. Sửa đổi, bổ sung Luật Phòng chống khủng bố như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Thực hiện các biện pháp phòng, chống tài trợ khủng bố

Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng và cập nhật, xác minh thông tin khách hàng; báo cáo, cung cấp, lưu giữ thông tin, xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống tài trợ khủng bố thực hiện theo quy định từ Điều 9 đến Điều 33 của Luật Phòng, chống rửa tiền.”.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“Điều 35. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ khủng bố

Định kỳ 05 (năm) năm, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro quốc gia về tài trợ khủng bố tại Việt Nam và trình Chính phủ phê duyệt kết quả đánh giá, kế hoạch thực hiện sau đánh giá.”.

10.12. Vấn đề khác

a) Ý kiến thẩm định: Tại dự thảo điều luật quy định một số điều khoản còn chung chung như “*các biện pháp thích hợp*” tại điểm c khoản 2 Điều 15; “*các biện pháp cần thiết*” tại điểm c khoản 2 Điều 17; “*các biện pháp tăng cường*” tại điểm a khoản 2 Điều 18... Do đó, để bảo đảm sự minh bạch, rõ ràng trong các quy định, đồng thời tạo điều kiện áp dụng thống nhất trên thực tiễn, đề nghị cơ quan

chủ trì soạn thảo cân nhắc, quy định cụ thể các biện pháp này trong dự thảo Luật hoặc có thể giao quy định chi tiết tại văn bản của Chính phủ.

b) Ý kiến tiếp thu, giải trình

- Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, về các biện pháp tăng cường tại điểm a khoản 2 Điều 20 dự thảo Luật đã làm rõ theo hướng các đối tượng báo cáo phải thực hiện “*các biện pháp tăng cường phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 Luật này*”. Và tại điểm c khoản 2 Điều 16 dự thảo Luật đã cụ thể biện pháp tăng cường bao gồm: “*biện pháp nhận biết, xác minh thông tin khách hàng tăng cường và giám sát chặt chẽ các giao dịch*”.

- Về các quy định “biện pháp thích hợp”, “biện pháp cần thiết”: Để đảm bảo tính khả thi theo từng loại hình đối tượng báo cáo, dự thảo Luật không quy định các biện pháp cụ thể mà chỉ yêu cầu đối tượng báo cáo chủ động áp dụng các biện pháp để phải đảm bảo xác minh nguồn gốc tài sản (Điều 17) và giảm thiểu rủi ro về rửa tiền (Điều 19) phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng báo cáo.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình của NHNN đối với ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về Dự án Luật PCRT (sửa đổi).

Ngân hàng Nhà nước kính báo cáo Chính phủ./. *N*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, TTGSNH.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Tiến Dũng